TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1221/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26/9/2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Thanh Thu

2. Bà Lê Thị Khanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nguyệt Nga – Thư ký tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Hồ Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh (cơ sở 1) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 675/2025/TLST-HNGĐ ngày 06/6/2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 446/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 405/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08/9/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trang Ngọc Tuyết N, sinh ngày 20/5/1998 (vắng mặt)

CCCD số 079198004195

Địa chỉ: 15/4H ấp B, xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (Địa chỉ cũ: 15/4H ấp B, xã Đ, huyện H Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Minh T, sinh ngày 26/3/1999 (vắng mặt)

CCCD số 079099013012

Địa chỉ: 30/5 Ấp 52, xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (Địa chỉ cũ: 30/5 ấp M, xã C, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Trang Ngọc Tuyết N trình bày:

Bà N và ông Nguyễn Minh T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2023 và có đăng ký kết hôn ngày 27/7/2023 tại Uỷ ban nhân dân xã Trung Chánh, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc. Từ cuối năm 2024, giữa bà N và ông T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn có tiếng nói chung, hai vợ chồng xảy ra cãi vã. Bà N và ông T đã hàn gắn, hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2024 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không có qua lại, mạnh ai nấy sống. Tháng 4/2025, bà N có nộp đơn xin ly hôn nhưng vì thương con

nên bà N rút đơn khởi kiện để hai vợ chồng có cơ hội hàn gắn gia đình nhưng không có kết quả. Nay bà N nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, mâu thuẫn gia đình đã trở nên trầm trọng, mục đích của hôn nhân nhân không đạt được, hai vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa nên bà N yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Thiên D (sinh ngày 24/11/2024). Cháu D hiện đang sống chung với bà N. Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Minh T vắng mặt, không cung cấp lời khai, không đưa ra ý kiến, yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, hòa giải, tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng và đầy đủ quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trang Ngọc Tuyết N .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp ly hôn và bị đơn cư trú tại xã Bà Điểm, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025 (gọi tắt là Bộ luật tố tụng dân sự).

[3] Toà án đã triệu tập, tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trang Ngọc Tuyết N và ông Nguyễn Minh T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn. Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 95 ngày 27/7/2023 do Ủy ban nhân dân xã Trung Chánh, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T là hôn nhân hợp pháp.

[5] Xét yêu cầu ly hôn của bà N: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T không cung cấp lời khai, không đưa ra ý kiến, yêu cầu, không giao nộp chứng cứ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bà N để làm cơ sở giải quyết vụ án. Theo như lời khai của bà N thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Bà N và ông T sống ly thân từ cuối năm 2024 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không có qua lại, mạnh ai nấy sống. Hiện nay, bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với

ông T. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và thông báo về phiên hòa giải nhưng ông T vẫn không đến Tòa án tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa, bà N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án không thể hòa giải để vợ chồng trở về sống chung với nhau. Từ đó, Hội đồng xét xử nhận định đời sống chung vợ chồng của bà N và ông T đang ở trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể kéo dài. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận cho bà N được ly hôn với ông T

[6] Về con chung: Bà N và ông T có một con chung tên Nguyễn Ngọc Thiên D (sinh ngày 24/11/2024). Căn cứ quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, trên cơ sở xem xét quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Thiên D cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, ông T cũng không có ý kiến, yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn cấp dưỡng nuôi con cho ông T cho đến khi có yêu cầu.

[8] Về tài sản chung: Bà N và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về nợ chung: Bà N và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Án phí ly hôn là 300.000đồng, bà N chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ các Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí tòa án được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trang Ngọc Tuyết N được ly hôn với ông Nguyễn Minh T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Thiên D (sinh ngày 24/11/2024) cho bà Trang Ngọc Tuyết N trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của ông Nguyễn Minh T cho đến khi có yêu cầu.

Khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà N phải nộp án phí ly hôn là 300.000đồng, và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng mà bà N đã nộp theo biên lai số 0000138 ngày 06/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND KV 8 – TP.HCM;
- Phòng THADS KV 8 – TP.HCM;
- UBND xả Bà Điểm, TP.HCM;
- Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Phương Nam